

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Lê Thị Kim Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần N2 (viết tắt: Ngân hàng N2);

Địa chỉ trụ sở: Số B đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; là người đại diện theo pháp luật.

Đại diện hợp pháp của ông V: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP N2; là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 09/12/2022).

Địa chỉ trụ sở chính: SR18-SR19 Trung tâm thương mại Q1, Số G Đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: Lầu F, Số D Đường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Chí B, chức vụ: nhân viên xử lý nợ;

- Ông Dương Tiến T, chức vụ: nhân viên xử lý nợ;

- Ông Huỳnh Phương N, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ;

Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu F, Số D Đường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2024).

Bị đơn: Ông Lại Nhật T1, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Số C Đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(ông B có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 do ông Nguyễn Chí B đại diện trình bày:

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, ông Lại Nhật T1 đã ký kết hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0285/2018/925-CV kèm Giấy nhận nợ số 01/GNN-0285/2018/925-CV ngày 13/12/2018 để vay tiền của Ngân hàng TMCP N2 với số tiền: 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 240 tháng, lãi suất trong hạn 12.8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Vay bù đắp tài chính.

Theo đó, để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã giao kết, ông T1 và Ngân hàng TMCP N2 đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0119/2018/925-BĐ ký ngày 12/12/2018, các tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 2369, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Ấp A xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; diện tích: 200m²; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 040025, sổ vào sổ cấp GCN: "H"05686 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 17/7/2008, cật nhật chủ sở hữu/sử dụng cho ông Lại Nhật T1 đứng tên ngày 06/12/2018.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 2366, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Ấp A xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; diện tích: 200m²; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 040023, sổ vào sổ cấp GCN: "H"05685 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 17/7/2008, cật nhật chủ sở hữu/sử dụng cho ông Lại Nhật T1 đứng tên ngày 06/12/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 có trả được một số tiền vay cho Ngân hàng sau đó không tiếp tục trả nên đã Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn kể từ sau ngày 13/12/2022. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Lại Nhật T1 trả nợ nhưng ông T1 vẫn không thực hiện.

Việc ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết và kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP N2 đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N2.

Tổng dư nợ mà ông T1 phải trả cho N3 tạm tính đến ngày 15/5/2023 là 952.151.132 đồng (Chín trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi một nghìn một trăm ba mươi hai đồng) trong đó: nợ gốc: 820.833.362 đồng; nợ lãi: 131.317.770 đồng.

Tính đến ngày 15/8/2024, số tiền gốc mà ông T1 còn nợ của Ngân hàng là 820.833.362 đồng, tiền lãi trong hạn là 117.470.257 đồng, lãi quá hạn là 298.190.983 đồng, lãi chậm trả lãi là 18.569.221 đồng, tổng cộng là: 1.255.063.823 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện ông Lại Nhật T1, yêu cầu ông T1 trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 1.282.233.541 đồng, trong đó gốc là 820.833.362 đồng, tiền lãi trong hạn là 117.470.257 đồng, lãi quá hạn là 324.041.172 đồng, lãi chậm trả lãi là 19.888.750 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0119/2018/925-BĐ ký ngày 12/12/2018 để bảo đảm việc thu hồi nợ của Ngân hàng. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông T1 vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N2.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, Ngân hàng N2 nộp biên lai tạm ứng án phí cho Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 30/2024/QĐST-DS chuyển vụ án đến Toà án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An giải quyết vụ án do trong hợp đồng tín dụng xác định địa chỉ thường trú của bị đơn tại số C Đường N, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tiến hành niêm yết thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lại Nhật T1 tại nơi cư trú nhưng ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời ông T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lại Nhật T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do Ngân hàng TMCP N2 cung cấp gồm các bản sao gồm hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, Giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản có chữ ký của ông Lại Nhật T1 đã được công chứng và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/12/2018, bảng kê tính lãi tính đến ngày 23/9/2024 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1 đứng tên do Ngân hàng N2 cung cấp cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N2 là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lại Nhật T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2024 là 1.282.233.541 đồng trong đó nợ gốc là 820.833.362 đồng và lãi tạm tính đến ngày 23/9/2024 là gồm lãi trong hạn là 117.470.257 đồng, lãi quá hạn 324.041.172 đồng, lãi chậm trả lãi: 19.888.750 đồng. Ông T1 còn tiếp tục chịu lãi chậm trả từ ngày 24/9/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp số 0119/2018/925-BĐ kí ngày

12/12/2018 nhằm bảo đảm thi hành án cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP N2 có đơn khởi kiện tranh chấp đối với ông Lại Nhật T1, địa chỉ cư trú tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn ông Lại Nhật T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Giữa ông Lại Nhật T1 và Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh T3 - Phòng G có ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0285/2018/925-CV kèm Giấy nhận nợ số 01/GNN-0285/2018/925-CV ngày 13/12/2018. Theo đó, ông T1 có vay của Ngân hàng số tiền: 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 240 tháng; lãi suất trong hạn: 12,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay: bù đắp tài chính. Theo Giấy nhận nợ ngày 13/12/2018 và phụ lục C1 lịch trả nợ có chữ ký của ông Lại Nhật T1 tại mục Bên được cấp tín dụng và N1 nhận tiền xác định số tiền ông T1 vay là 1.000.000.000 đồng có thỏa thuận phương thức trả nợ trả lãi vay vào ngày 13, định kỳ 01 tháng/lần; ngày trả lãi đầu tiên là 13/01/2019; trả nợ gốc theo Lịch trả nợ đính kèm.

[3.2] Quá trình vay, ông T1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Lịch trả nợ được một thời gian; sau đó, ông T1 không thực hiện trả gốc và lãi đúng hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của người vay tiền theo thỏa thuận tại điểm b, khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0285/2018/925-CV ký ngày 12/12/2018 giữa hai bên.

[3.3] Theo đó, số tiền nợ gốc ông T1 còn nợ của Ngân hàng là 820.833.362 đồng; nợ lãi trong hạn là 117.470.257 đồng; tính đến ngày xét xử còn nợ lãi quá hạn là: 324.041.172 đồng, lãi chậm trả lãi là 19.888.3750 đồng, tổng cộng ông T1 còn nợ Ngân hàng TMCP N2 số tiền là 1.282.233.541 đồng.

[3.4] Do đó, Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện yêu cầu ông L Nhật Trung trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi là phù hợp quy định tại Điều 463 và 465 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản nợ vay:

[4.1] Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0285/2018/925-CV ngày 12/12/2018, ông T1 có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0119/2018/925-BĐ ký ngày 12/12/2018 với Ngân hàng TMCP N2 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2369 và thửa số 2366, cùng tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Ấp A xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; cùng mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 040025, sổ vào sổ cấp GCN: "H"05686 và sổ phát hành: AN 040023, số "H"05685 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 17/7/2008, cất nhật chủ sở hữu/sử dụng cho ông Lại Nhật T1 đứng tên ngày 06/12/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn

phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/12/2018 là đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP N2 về tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 292, 293, 298, 323 và Điều 299 Bộ luật Dân sự đồng thời ông T1 không có ý kiến phản đối nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lại Nhật T1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp: tổng cộng là 5.000.000 đồng; nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 đã tạm ứng và chi phí xong; bị đơn ông Lại Nhật T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 464, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lại Nhật T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 1.282.233.541 đồng trong đó nợ gốc là 820.833.362 đồng, lãi trong hạn là 117.470.257 đồng, lãi quá hạn 324.041.172 đồng, lãi chậm trả lãi: 19.888.750 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2024, ông Lại Nhật T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp số 0119/2018/925-BĐ kí ngày 12/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 với ông Lại Nhật T1 để bảo đảm thi hành án cho Ngân hàng, cụ thể: Nếu ông Lại Nhật T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N2 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2369 và 2366, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc Ấp A, xã H, huyện Đ tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 040025, sổ vào sổ cấp GCN: "H"05686 và sổ phát hành: AN 040023, sổ vào sổ cấp GCN: "H"05685 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 17/7/2008, cật nhật chủ sở hữu/sử dụng cho ông Lại Nhật T1 đứng tên ngày 06/12/2018, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ, tỉnh Long An đăng

ký giao dịch bảo đảm ngày 12/12/2018 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn không đủ trả nợ thì ông T1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP N2 cho đến khi trả hết số nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lại Nhật T1 phải chịu toàn bộ án phí 50.467.006 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.282.267 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lại Nhật T1 phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; số tiền này Ngân hàng TMCP N2 đã tạm ứng và chi phí xong, ông T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: ^(09b)

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Chi cục THADS quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn